

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2021.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

- xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Võ Thị Diệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa ngày 27/7/2021, thông báo mở lại phiên tòa ngày 13/8/2021 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 26/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: khóm M, thị trấn M1, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Bị đơn: **Trương Thị Kim T1**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: tổ 36, khóm M, thị trấn M1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T1 vắng mặt theo Quyết định tuyệt bố mất tích số: 07/2021/QĐDS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện anh Nguyễn Chí T trình bày: Anh và chị Trương Thị Kim T1 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng

về quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm lẫn nhau, đến năm 2016 thì chị T1 bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh và gia đình không biết chị T1 đi đâu, nơi cư trú cuối cùng của chị T1 trước khi bỏ nhà đi là tổ 36, khóm M, thị trấn M1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Do chị T1 bỏ nhà đi mà không có tin tức nên anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị T1 mất tích. Sau khi thụ lý, Tòa án đã có thông báo trên các Báo và Đài phát thanh Trung ương nhưng vẫn không thấy tin tức của chị T1 ở đâu. Ngày 07/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã ban hành Quyết định số 07/2021/QĐDS-ST về việc tuyên bố chị Trương Thị Kim T1 mất tích. Đồng thời, kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố chị Trương Thị Kim T1 mất tích đến nay anh cũng không thấy chị T1 trở về. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T2, sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 11/9/2012 và hiện nay đang sống với chị T1. Khi ly hôn, anh đồng ý để cho chị T1 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo N, anh không cấp dưỡng nuôi con; còn đối với cháu T2 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Trương Thị Kim T1 do đã bỏ đi và đã có Quyết định tuyên bố mất tích nên Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh không thể triệu tập để lấy lời khai và hòa giải được.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh T (photo);

- Trích lục kết hôn (bản sao);

- Giấy khai sinh tên Nguyễn Ngọc Bảo N (bản chính) và giấy khai sinh Nguyễn Thị Cẩm T2 (bản sao);

- Quyết định tuyên bố mất tích số: 07/2021/QĐDS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Chí T về việc yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị Kim T1, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là *“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”*.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là

chị Trương Thị Kim T1 có nơi cư trú cuối cùng trước khi bỏ nhà đi là tổ 36, khóm M, thị trấn M1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Đối với bị đơn là chị Trương Thị Kim T1 do đã bỏ đi và đã có Quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án, nên xét xử vắng mặt chị T1 theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, xét thấy: Anh T và chị Trương Thị Kim T1 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên hôn nhân giữa anh Tâm và chị là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, đến năm 2016 thì chị T1 bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Mặt khác, sau khi chị T1 bỏ nhà đi, anh T và gia đình không biết chị T1 đi đâu và cũng không có tin tức gì về chị T1 và ngày 07/4/2021 Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã ban hành Quyết định số 07/2021/QĐDS-ST về việc tuyên bố chị Trương Thị Kim T1 mất tích. Kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố chị T1 mất tích đến nay anh Tâm cũng không thấy chị T1 trở về. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị T1 là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T2, sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh năm 2012 và hiện cháu Ngân đang sống với chị T1. Khi ly hôn, anh đồng ý để cho chị T1 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo N, anh không cấp dưỡng nuôi con; còn đối với cháu Cẩm T2 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, khi chị T1 bỏ đi có đưa cháu Nguyễn Ngọc Bảo N - sinh năm 2012 đi theo và hiện đang sống với chị T1; việc anh T đồng ý để cho chị T1 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo N, anh không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với pháp luật nên chấp nhận. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 0012773 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 68 của Bộ luật dân sự; các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chí T.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Chí T được ly hôn với chị Trương Thị Kim T1.

- Về con chung: Trương Thị Kim T1 được tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh năm 2012; anh Tâm không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Chí T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 0012773 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- UBND TT Mỹ Tho;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trịnh Hữu Chinh